

NGHIÊN CỨU CÂU PHỨC - ĐƠN VỊ CÚ PHÁP ĐA DIỆN - TRONG “CÚ PHÁP HỌC TIẾNG NGA” DÀNH CHO ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGOẠI NGỮ CHẤT LƯỢNG CAO

TS Nguyễn Tùng Cương
Khoa NN&VH Nga - ĐHNH - ĐHQGHN

Để phục vụ chương trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao, trong nhiều biện pháp, chúng tôi thấy có một việc cần làm sớm là phải cập nhật chương trình Lý thuyết tiếng. Môn Lý thuyết tiếng có vai trò rất quan trọng trong hệ thống kiến thức mà một cử nhân ngoại ngữ phải có. Trong bài viết này, chúng tôi muốn trình bày tính bức thiết của vấn đề, thông qua việc xem xét một loại đơn vị cú pháp - câu phức tiếng Nga.

Trong hệ thống các đơn vị cú pháp tiếng Nga gồm cụm từ, câu đơn, câu phức, chính thể cú pháp phức tạp, thì câu phức luôn được đặc biệt chú ý. Hiện nay, khi miêu tả các đơn vị cú pháp, nhiều nhà cú pháp học thường đồng thời nghiên cứu các mặt cấu trúc, ngữ nghĩa và thông báo của chúng, vì các bình diện này tuy là tương đối độc lập, nhưng vẫn liên quan chặt chẽ với nhau.

“*Câu phức là đơn vị cú pháp gồm từ hai đơn vị vị tính ngữ trở lên, hợp thành khối thống nhất về cấu trúc, ngữ nghĩa và thông báo*” [Диброва, 5, tr. 478]. Định nghĩa này nêu được những thuộc tính cơ bản của câu phức. Có hai đặc điểm đối lập câu phức với câu đơn là: a) câu phức gồm nhiều đơn vị vị tính ngữ (*полнпредикативная единица*) và b) câu phức có nhiều nghĩa miêu tả (*полнпропозитивная единица*). Trong sách báo ngôn ngữ học, thuật ngữ *пропозиция* - *proposition* là thuật ngữ chưa được hiểu thống nhất. Theo cách lý giải phổ biến: *пропозиция* là mô hình hiện tình (*положение дел*), tình huống (*ситуация*), sự kiện (*событие*) được phản ánh trong nghĩa câu. Các nhà Việt ngữ học dùng các thuật ngữ *nghĩa miêu tả*, *nghĩa mệnh đề*, *nghĩa hạt nhân* tương ứng với thuật ngữ tiếng Anh *proposition* [Diệp Quang Ban. 6. tr.5]. Trong bài báo này, chúng tôi tạm dùng thuật ngữ **nghĩa miêu tả** của câu là chỉ một **tình huống** (thuật ngữ này được dùng trong [АГ- 80, T 2, tr. 461; Кобозева, 3, tr. 227], tương đương với **hiện tình, sự kiện**).

Quan niệm được nhiều tác giả thừa nhận cho rằng câu đơn có một trung tâm vị tính ngữ: *Занятия кончились. Студенты пошли домой*. Mỗi trung tâm vị tính ngữ này mang nghĩa ngữ pháp nhất định - đó là tính vị ngữ với các phương thức biểu hiện đặc thù và nghĩa tình thái (tình thái khách quan và chủ quan với các phương thức biểu hiện riêng).

Câu phức là đơn vị ở cấp cao hơn câu đơn, nó bao gồm hai hay nhiều hơn hai trung tâm vị tính ngữ. *Так как занятия кончились, студенты пошли домой*. Chúng tôi dùng thuật ngữ **đơn vị vị tính ngữ** (*предикативная единица*) = **mệnh đề**. Ta có **mệnh đề chính** (*главная часть*), **mệnh đề phụ** (*придаточная часть*) để chỉ các câu đơn tham gia cấu tạo nên câu phức. Các đơn vị vị tính ngữ này khi tham gia vào câu phức, có những biến đổi nhất định về cấu trúc, sử dụng những phương thức liên kết nhất định, để tạo thành một đơn vị cấu trúc hoàn chỉnh là câu phức.

Nét đặc điểm khu biệt thứ hai của câu phức là, xét về ngữ nghĩa, câu phức chỉ hai nghĩa miêu tả hay chỉ quan hệ giữa hai nghĩa miêu tả. Ta có hai câu đơn riêng lẻ, chỉ hai tình huống: *Редел на небе мрак глубокий. Взошла заря.* Khi hai câu này gia nhập một câu phức, chúng chỉ quan hệ giữa hai tình huống. *Редел на небе мрак глубокий ..., взошла заря* (А.Пушкин).

Là đơn vị cú pháp như cụm từ, câu đơn, cơ cấu của câu phức có ba bình diện: cấu trúc, ngữ nghĩa và thông báo.

1. Về mặt cấu trúc

Câu phức được cấu tạo theo một mô hình, một khung cấu trúc nhất định. "*Khung cấu trúc của câu phức là mẫu khái quát để tổ chức một kiểu câu phức tối thiểu nhất định*" [Белашапкина. 2, tr. 727]. Khái niệm khung cấu trúc bao gồm: 1) loại liên kết cú pháp của câu phức và các phương thức liên kết; 2) đặc điểm các đơn vị vị ngữ tính có tính bắt buộc để chúng trở thành các mệnh đề của một kiểu câu nhất định; 3) trật tự các mệnh đề trong câu phức.

Cụ thể hoá các yêu cầu này, có thể liệt kê các phương thức liên kết chính như sau:

1) Liên từ đẳng lập và liên từ phụ thuộc:

Газеты ничего не подсказывали, да и мало их было (М.Горький); *Если учитель соединяет в себе любовь к делу и к ученикам, он - совершенный учитель* (Л.Толстой).

2) Từ liên từ: *He забуду, как женщины пели* (Ю.Нейман).

3) Từ tương liên dùng ở mệnh đề chính thể hiện mệnh đề đó chưa hoàn chỉnh, từ tương liên đóng vai trò yếu tố báo tin trước hay yếu tố trung gian của mệnh đề chính: *Я говорю не с вами, а с тем, кого я на углу ждала* (Б.Ахмедулина).

4) Từ nòng cốt trong mệnh đề chính được mở rộng nhờ mệnh đề phụ: *Мы поймём, что в державной короне драгоценней звезда нищеты* (А.Тарковский); *А всё-таки жаль, что кумиры нам снятся по-прежнему* (Б.Окуджава).

5) Ngữ điệu.

Các phương thức liên kết bổ sung có:

1) Hệ hình câu phức thể hiện các dạng tương quan về thời - thể - tình thái của động từ vị ngữ trong câu phức. Trong câu phức có thể có nhiều kiểu kết hợp các dạng thời - thể - tình thái giữa mệnh đề chính và mệnh đề phụ: *Когда преподаватель вошёл, студенты поднялись* (quan hệ thời gian kế tiếp nhau); *Когда врач осматривал больного, никто не мешал* (quan hệ thời gian đồng thời).

2) Các đại từ hồi chiếu (анафорические местоимения) chỉ các mệnh đề đi trước: *В России цензурное ведомство возникло раньше литературы, всегда чувствовалось его роковое совершенство* (В.Набоков); các đại từ khứ chiếu (катафорические местоимения) chỉ các mệnh đề đi sau: *Весь город там такой: мошенник на мошеннике сидит и мошенником погоняет* (Н.Гоголь).

3) Sự khuyết chỗ trong cấu trúc các mệnh đề: *Он в залу, дальше: никого* (А.Пушкин).

4) Các từ vị được ngữ pháp hoá kiểu như: *достаточно, недостаточно, мало, слишком* и др. Thí dụ: *Гению достаточно любых крох опыта, чтобы суметь воссоздать точную картину* (А.Битов).

5) Sự tương liên về ngữ nghĩa giữa thành phần từ vựng trong các mệnh đề: sự có mặt các từ có nghĩa vị chung hay lập từ vựng: *При ясном уме и сердце ясно, и море чисто, как стекло: всё-таки приветно-безопасно, всё так улыбочиво-светло* (П.Вяземский).

6) Trật tự cố định các mệnh đề trong câu phức: *Пастух поглядел на небо, откуда моросил дождь* (А.Чехов). Trật tự từ không cố định: các mệnh đề có vị trí tương đối tự do hơn, tuy vẫn tuân theo các quy tắc phân tích thành phần theo thực tại hoá. Thí dụ: *Не помню, что мне снилось ; Что мне снилось, не помню.*

7) Cấu trúc song song: *Я был угрюм, - другие дети веселы и болтливы* (М.Лермонтов); *Все счастливые семьи похожи друг на друга, каждая несчастливая семья несчастлива по-своему* (Л.Толстой).

2. Bình diện ngữ nghĩa

Câu phức là đơn vị có nghĩa hoàn chỉnh và trọn vẹn.

Như ở phần đầu chúng tôi đã nói: câu phức là đơn vị chỉ nhiều nghĩa miêu tả, chỉ mối liên hệ giữa nhiều nghĩa miêu tả. Nghĩa miêu tả của câu được hiểu là chỉ một tình huống, hay hiện tình, hay sự kiện. Trong cú pháp học ngữ nghĩa, câu được coi là đơn vị định danh, là ký hiệu phức tạp, gọi tên một tình huống, hay sự kiện: *Брат подарил другу книгу*. Trong tình huống này, *подарил* là từ vị thể (*предикат*), nó giữ vai trò trung tâm và chỉ đặc trưng của vật thể hay quan hệ giữa các vật thể, từ vị thể cũng có vai trò quyết định tới số lượng thành tố hay còn gọi là tác tố (*актант*) và các vai nghĩa mà các thành tố này thực hiện: *брат* (*chủ thể*), *другу* (*đối tượng nhận*), *книгу* (*khách thể hành động*).

Nếu câu phức là một đơn vị ngữ nghĩa thống nhất thì nghĩa của câu phức không phải là phép cộng đơn giản nghĩa các mệnh đề tham gia vào câu phức mà là sự tích hợp theo một cách riêng, chịu sự tác động của nhiều yếu tố. Nghĩa của câu phức là ‘*quan hệ ngữ nghĩa giữa các mệnh đề, đồng thời nghĩa này không chỉ có ở một câu cụ thể, mà có ở tất cả các câu có cùng một cấu trúc với nó, được tổ chức theo cùng một mô hình*’ [Бабайцева, 1, tr. 178].

Thí dụ: nghĩa nguyên nhân có trong các câu sau:

Подарков он не принимал, потому что нечем было отдарить (И.Гончаров); *Собаки далеко залезли в конуры, благо не на кого было лаять* (И.Гончаров).

Câu phức là đơn vị chỉ nhiều nghĩa miêu tả hay là nhiều tình huống [АГ-80, tr. 461]. Tuy nhiên, đặc điểm chỉ nhiều tình huống này không phải là tiêu chuẩn tuyệt đối với mọi câu phức. Các nhà cú pháp học hay nói đến hiện tượng so le, trong lĩnh vực câu phức, giữa số lượng đơn vị vị tính ngữ và số lượng nghĩa miêu tả hay là số lượng tình huống cũng thể hiện tính so le.

Một mặt, có một số câu đơn có thể chỉ nhiều nghĩa miêu tả. Nếu câu *Упрямый человек нелюбим* có một nghĩa miêu tả - một tình huống, thì khi chuyển dạng, nó cũng có thể chỉ hai nghĩa miêu tả - hai tình huống: *Если человек упрям, он нелюбим*. Tương tự như vậy, ta có các

trường hợp sau: *Детьми они жили в деревне; và Когда они были детьми, они жили в деревне.*

Mặt khác, không phải mọi câu phức đều mang nhiều nghĩa miêu tả. Trong một số điều kiện nhất định, do tổ chức cú pháp và lượng từ vựng, câu phức chỉ thể hiện một nghĩa miêu tả - một tình huống. Trong nhóm câu phức phụ thuộc tiếng Nga, có một số tiểu nhóm khi đóng vai trò mở rộng từ nòng cốt của mệnh đề chính, các câu phức này chỉ cung cấp một tên gọi, một cách định danh mở rộng cho một vật thể: *Тот, кто сидел за первой партой, всё время молчал; Это всё, что я расслышал* (М.Булгаков); *Пусть брат наденет шляпу, которую мама ему подарила.*

Có khá nhiều câu phức mà mệnh đề này chỉ nội dung khách quan của câu, mệnh đề kia chỉ ý kiến đánh giá, thái độ của chủ thể với nội dung câu: *Пришла весна, и это хорошо. Весна пришла, что хорошо. Хорошо, что весна пришла.*

Nội dung một số câu phức rất gần với nội dung các câu đơn tương ứng, nếu có khác chỉ là khác ở các thành tố liên quan đến việc đưa thông tin vào các văn cảnh cụ thể: *В театре появился новый артист; Дело в том, что в театре появился новый артист.*

Trong nhóm câu phức đẳng lập, có tiểu nhóm câu chỉ nghĩa phân lập, nghĩa của câu phức bao gồm các mệnh đề tham gia vào câu phức này chỉ là một tình huống mà thôi, vì người nói không xác định được chính xác thực chất tình huống: *То ли снег пошёл, то ли небо посветлело; Не то он (Рудин) завидовал Наталье, не то он сожалел о ней* (И.Тургенев).

3. Bình diện thông báo

Xét về mặt thông báo, câu phức có nhiều nét gần với câu đơn nhất vì cả câu đơn và câu phức đều là các đơn vị thông báo hoàn chỉnh và thống nhất. Câu phức là phát ngôn được tổ chức nhờ ngữ điệu thông báo và trật tự các mệnh đề, tùy theo nhiệm vụ thông báo mà câu thực hiện.

Ngữ điệu thông báo là đặc điểm của câu đơn, nhưng khi câu đơn gia nhập câu phức nó sẽ không có ngữ điệu thông báo riêng, mà phải tuân theo quy tắc tổ chức ngữ điệu của cả phát ngôn- câu phức. Thí dụ:

ИК 1

Брат приехал завтра.

ИК 3,4

ИК 1

Если брат приехал завтра, я его встречу.

Về việc phân tích thành phần theo thực tại khách quan, có hai vấn đề cần được nói tới là trật tự các từ và trật tự các mệnh đề trong câu.

Câu đơn và câu phức cùng tuân theo một số quy tắc nhất định về việc sắp xếp vị trí các từ, vì nhiệm vụ thông báo có vai trò quyết định tới vị trí các từ. Nhưng khi câu đơn nằm trong tổ chức câu phức, thì trật tự từ của câu đơn tức là của mệnh đề chính hay phụ lại chịu sự chi phối bởi các quy tắc của câu phức vì vị trí các từ của mệnh đề này có ảnh hưởng tới vị trí các từ của mệnh đề kia.

Nói về việc phân tích thành phần theo thực tại khách quan trong câu phức, ta thấy, với trật tự trung hoà, phần nêu thường đứng đầu phát ngôn, phần báo ở cuối phát ngôn:

тема	рема
<i>Когда стемнело, //</i>	<i>он вернулся домой.</i>
тема	рема
<i>Мы вставали, //</i>	<i>когда оба дома крепко спали.</i>

Trong câu mà mệnh đề phụ mở rộng cho từ nòng cốt của mệnh đề chính thì mệnh đề phụ thường thuộc về phần nêu:

тема	рема
<i>А то, о чём молчим мы, //</i>	<i>дано лишь нам двоим (М.Лермонтов).</i>
тема	рема
<i>Я знаю, //</i>	<i>что надо серьёзно заниматься.</i>

Trong câu mà mệnh đề phụ mở rộng cả mệnh đề chính, thường mệnh đề đi đầu phát ngôn là phần nêu, mệnh đề đi sau là phần báo:

тема	рема
<i>Мы вставали, //</i>	<i>когда оба дома крепко спали.</i>

Với trật tự có sắc thái biểu cảm rõ ràng, vị trí các mệnh đề gắn liền với tình huống lời nói, với nhiệm vụ thông báo và cũng phản ánh cách phân tích thành phần theo thực tại hoá.

тема	рема
1) <i>Ново //</i>	<i>то, что талантливо.</i>
тема	рема
2) <i>Что талантливо, //</i>	<i>то ново.</i>

Ở thí dụ một, phần nêu là *Ново*, phần báo có ý nghĩa thông báo quan trọng hơn là *то, что талантливо*. Ranh giới cách phân chia thành phần theo ngữ pháp và cách phân chia thành phần theo thực tại hoá không giống nhau.

Ở thí dụ hai, mệnh đề phụ *Что талантливо* là phần nêu, còn *то ново* lại là phần báo, thực hiện nhiệm vụ thông báo khác; ranh giới cách phân tích theo ngữ pháp và theo thực tại hoá trùng khớp nhau.

Khi thực hiện mục đích phát ngôn, câu phức có thể bao gồm các đơn vị có chức năng khác nhau, thí dụ: câu kể đi cùng câu hỏi.

- *Она всё время работала, а ты что делал?*

Như vậy, câu phức là phát ngôn làm một nhiệm vụ thông báo nhất định và có ngữ điệu thống nhất.

Việc nghiên cứu câu phức theo các bình diện vừa dẫn ở trên đã phản ánh được những thuộc tính cơ bản của câu phức như một đơn vị cú pháp. Câu phức có những nét chung của các đơn vị cú pháp khác như cụm từ, câu đơn, nhưng câu phức cũng có các nét riêng, những nét khu biệt có

vai trò đối lập câu phức với các đơn vị cú pháp khác. Hiện nay, chương trình Cú pháp học tiếng Nga đang dùng tại Khoa ngôn ngữ và văn hoá Nga chưa làm rõ được các bình diện cấu trúc, ngữ nghĩa và thông báo của các đơn vị cú pháp. Chỉ có miêu tả hệ thống các đơn vị cú pháp tiếng Nga theo các mặt này, sinh viên mới có được cái nhìn toàn diện hơn. Chính việc miêu tả câu phức theo các mặt cấu trúc, ngữ nghĩa và thông báo và có thể ở một vài mặt khác sẽ giúp cho việc đào tạo một thế hệ sinh viên có tác phong học tập kiểu chủ động nghiên cứu, có kiến thức khoa học luôn luôn cập nhật, để có thể tiến hành so sánh đối chiếu các đơn vị cú pháp nói chung và câu phức nói riêng giữa tiếng Nga và tiếng Việt đạt kết quả tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Бабайцева В.В., Максимов Л.Ю. Современный русский язык. Часть 3. Синтаксис и пунктуация. М., 1987.
2. Белашапкина В.А. и др. Современный русский язык. Под редакцией В. А.Белашапкиной. М. «Высшая школа», 1989.
3. Кобозева И.М. Лингвистическая семантика. М. Эдиториал УРСС. 2000.
4. Русская грамматика = АГ-80. М., 1980. Т2.
5. Современный русский язык. В.В.Бабайцева («Простое предложение»), Н.А.Николина («Сложное предложение», «Сложное синтаксическое целое») и др. Под редакцией Е.И.Дибровой. Часть 2. М. «Академия», 2002.
6. Diệp Quang Ban. Cấu tạo ngữ pháp - ngữ nghĩa của câu tiếng Việt. Tài liệu in tại ĐHNH ĐHQG Hà Nội, 2001.